Machine Translated by Google

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

PHẦN 1) SẢN PHẨM HÓA CHẤT VÀ NHẬN DẠNG CỦA NHÀ CUNG CẤP

Mã sản phẩm:	60-9472		
Tên sản phẩm:	Trư ờng phổ thông trung học Nukote		
Ngày sửa đổi:	Ngày 17 tháng 4 năm 2017	Ngày in:	Ngày 17 tháng 4 năm 2017
Phiên bản:	1.0	Ngày thay thế:	Không có
Tên nhà sản xuất:	Hệ thống phủ Nukote quốc tế		
Địa chỉ:	4730 Consulate Plaza Dr. Phòng 100, Houston, TX 77032		
Điện thoại khẩn cấp:	Chemtrec: 800-424-9300 (Tài khoản: CCN16118) hoặc Quốc tế: 703-527-3887		
Thông tin Số điện thoại:	(832) 770-7100 (281)		
Fax:	227-0909		

Sản phẩm/Công dụng khuyến nghị: Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo Bảng dữ liệu kỹ thuật của sản phẩm.

PHẦN 2) NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

Phân loại:

Độc tính cơ quan đích cụ thể - Phơ i nhiễm lặp lại - Loại 2

Kích ứng da - Loại 3

Kích ứng mắt - Loại 2A

Gây ung thư - Loại 2

Độc tính sinh sản - Loại 2

Chất lỏng dễ cháy - Loại 4

Biểu tư ợng:



Từ tín hiệu:

Cảnh báo

Các tuyên bố nguy hiểm - Vật lý:

H227 - Chất lỏng dễ cháy

Các tuyên bố nguy hiểm - Sức khỏe:

H373 - Có thể gây tổn thư ơ ng các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc nhiều lần.

H316 - Gây kích ứng da nhẹ

H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

H351 - Nghi ngờ gây ung thư .

H361 - Nghi ngờ gây tổn hại đến khả năng sinh sản hoặc thai nhi.

Các tuyên bố phòng ngừa - Chung:

P101 - Nếu cần tư vấn y tế, hãy chuẩn bị sẵn nhãn hoặc hộp đựng sản phẩm.

P102 - Để xa tầm tay trẻ em.

P103 - Đọc nhãn trư ớc khi sử dụng.

Các tuyên bố phòng ngừa - Phòng ngừa:

P260 - Không hít bụi/khói/khí/sư ơ ng mù/hơ i/bụi nư ớc.

Machine Translated by Google

P264 - Rửa sạch sau khi xử lý.

P280 - Đeo găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.

P201 - Xin hư ớng dẫn đặc biệt trư ớc khi sử dụng.

P202 - Không đư ợc sử dụng cho đến khi đã đọc và hiểu rõ tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn.

P210 - Tránh xa nguồn nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn gây cháy khác. Không hút thuốc.

Các tuyên bố phòng ngừa - Phản hồi:

P314 - Nhận tư vấn/chăm sóc y tế nếu bạn cảm thấy không khỏe.

P332 + P313 - Nếu bị kích ứng da: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.

P305 + P351 + P338 - NẾU VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nư ớc trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

P337 + P313 - Nếu tình trạng kích ứng mắt vẫn tiếp diễn: Tìm kiếm lời khuyên/chăm sóc y tế.

P308 + P313 - NẾU tiếp xúc hoặc lo lắng: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.

P370 + P378 - Khi xảy ra hỏa hoạn: Sử dụng hóa chất khô, cacbon dioxit, bọt để dập tắt.
Để biết thông tin chi tiết, hãy xem Mục 5 (Biện pháp chữa cháy)

Các tuyên bố phòng ngừa - Lư u trữ:

P405 - Cửa hàng đã bị khóa.

P403 - Bảo quản nơ i thông thoáng.

Các tuyên bố phòng ngừa - Xử lý:

P501 - Xử lý chất thải/thùng chứa đến nhà máy xử lý chất thải đư ợc phê duyệt.

PHẦN 3) THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

CAS	Tên hóa học	% Theo Trọng Lư ợng
0014808-60-7	Silica, tinh thể	19% - 36%
0013463-67-7	TITANIUM DIOXIDE	8% - 14%
0022984-54-9	METHYLTRIS (METHYLETHYLKETOXIME) SILANE	5% - 12%
0000556-67-2	OCTAMETHYLCYCLOTETRASILO	1,9% - 4%
0000096-29-7	2-BUTANONE OXIME	Dấu vết

Danh tính hóa học cụ thể và/hoặc tỷ lệ phần trăm chính xác (nồng độ) của thành phần đã đư ợc giữ kín để bảo vệ tính bảo mật.

PHẦN 4) CÁC BIỆN PHÁP CỨU THƯ ỜNG

Hít vào:

Loại bỏ nguồn tiếp xúc hoặc đư a ngư ời đó đến nơ i có không khí trong lành và giữ cho họ thoải mái để thở. Nếu gặp các triệu chứng về hô hấp: Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ. Nếu khó thở, nhân viên đư ợc đào tạo nên cung cấp oxy khẩn cấp nếu đư ợc TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ khuyên làm như vậy.

Nếu bị phơ i nhiễm/cảm thấy không khỏe/lo lắng: Gọi đến TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ.

Loại bỏ mọi nguồn gây cháy nếu an toàn.

Tiếp xúc với da:

Cởi bỏ quần áo, giày dép và đồ da bị nhiễm bẩn (ví dụ như dây đeo đồng hồ, thắt lư ng). Nhẹ nhàng thấm hoặc chải sạch sản phẩm thừa. Rửa bằng nhiều nư ớc ấm, chảy nhẹ trong khoảng thời gian 15-20 phút. Nếu da bị kích ứng hoặc phát ban: Hãy tìm lời khuyên/chăm sóc y tế. Giặt quần áo bị nhiễm bẩn trư ớc khi sử dụng lại hoặc vứt bỏ.

NẾU tiếp xúc hoặc lo lắng: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.

Giao tiếp bằng mắt:

Tránh tiếp xúc trực tiếp. Nếu cần, hãy đeo găng tay bảo vệ chống hóa chất.

Rửa mắt cẩn thận bằng nư ớc ấm chảy nhẹ trong vài phút, trong khi giữ mí mắt mở. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa trong 15-20 phút. Cẩn thận không xả nư ớc bị ô nhiễm vào mắt không bị ảnh hư ởng hoặc vào mặt. Nếu kích ứng mắt vẫn tiếp diễn: Nhận tư vấn/chăm sóc y tế.

Tiêu hóa:

Súc miệng. KHÔNG gây nôn. Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ. Nếu nôn tự nhiên, hãy nằm nghiêng, ở tư thế hồi phục.

NẾU tiếp xúc hoặc lo lắng: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.

Machine Translated by Google

MỤC 5) BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Phư ơ ng tiện chữa cháy phù hợp:

Nên sử dụng hóa chất khô, bọt, carbon dioxide. Nên phun nư ớc để làm mát hoặc bảo vệ vật liệu hoặc kết cấu tiếp xúc.
Carbon dioxide có thể thay thế oxy. Hãy cẩn thận khi sử dụng carbon dioxide trong không gian hạn chế. Tránh sử dụng đồng thời bọt và nư ớc trên cùng một bề mặt vì nư ớc sẽ phá hủy bọt. Chỉ có thể sử dụng cát hoặc đất cho các đám cháy nhỏ.

Phư ơ ng tiện chữa cháy không phù hợp:

Nếu sử dụng nư ớc, hãy sử dụng một lư ợng nư ớc lạnh thật lớn.

Các mối nguy hiểm cụ thể trong trư ờng hợp hỏa hoạn:

Hơ i có thể tích tụ và di chuyển đến các nguồn đánh lửa cách xa nơ i xử lý; có thể xảy ra cháy đột ngột.

Áp suất hoặc nhiệt độ quá cao có thể gây nổ bình chứa.

Ô nhiễm nư ớc sẽ tạo ra carbon dioxide. Không đậy kín lại các thùng chứa bị ô nhiễm vì áp suất tích tụ có thể làm vỡ chúng.

Quy trình chữa cháy:

Cô lập khu vực nguy hiểm ngay lập tức và không cho nhân viên không có thẩm quyền ra ngoài. Dừng việc tràn/thải nếu có thể thực hiện an toàn. Di chuyển các thùng chứa không bị hư hại khỏi khu vực nguy hiểm ngay lập tức nếu có thể thực hiện an toàn. Phun nư ớc có thể hữu ích trong việc giảm thiểu hoặc phân tán hơ i và bảo vệ nhân viên. Nư ớc có thể không hiệu quả như ng có thể đư ợc sử dụng để làm mát các thùng chứa tiếp xúc với nhiệt hoặc ngọn lửa. Cần thận trọng khi sử dụng nư ớc hoặc bọt vì có thể xảy ra bọt, đặc biệt là nếu phun vào các thùng chứa chất lỏng nóng, đang cháy.

Xử lý các mảnh vỡ cháy và nư ớc chữa cháy bị ô nhiễm theo đúng quy định của chính quyền.

Hành động bảo vệ đặc biệt:

Đeo máy thở tự cung cấp đư ợc NIOSH chấp thuận ở chế độ áp suất dư ơ ng với mặt nạ trùm kín mặt. Giày, găng tay (neoprene), kính bảo hộ và quần áo bảo hộ toàn thân cũng là bắt buộc.

Luôn phải cẩn thận khi ở những khu vực có bụi/sư ơ ng mù.

PHẦN 6) CÁC BIỆN PHÁP PHÁT HÀNH TÌNH CỜ

Quy trình khẩn cấp:

LOẠI BỎ mọi nguồn gây cháy (không hút thuốc, pháo sáng, tia lửa hoặc ngọn lửa ở khu vực xung quanh).
Không chạm hoặc bư ớc qua vật liệu bị đổ.
Cô lập khu vực nguy hiểm và tránh xa những ngư ời không cần thiết. Loại bỏ mọi nguồn gây cháy có thể có ở khu vực xung quanh. Thông báo cho chính quyền nếu có bất kỳ sự tiếp xúc nào với công chúng hoặc môi trư ờng xảy ra hoặc có khả năng xảy ra.
Nếu vật liệu bị đổ đư ợc làm sạch bằng dung môi đư ợc quy định, hỗn hợp chất thải thu đư ợc có thể đư ợc quy định.

Thiết bị đư ợc đề xuất:

Đeo khẩu trang hoặc mặt nạ phù hợp để loại bỏ các hạt bụi bọt khi hít phải.

Biện pháp phòng ngừa cá nhân:

Tránh hít phải hơ i. Tránh tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo. Không chạm vào các thùng chứa bị hư hỏng hoặc vật liệu bị đổ trừ khi mặc quần áo bảo hộ thích hợp.

Biện pháp phòng ngừa về môi trư ờng:

Ngăn chặn việc tràn/thải nếu có thể thực hiện an toàn. Ngăn không cho vật liệu tràn vào cống rãnh, cống thoát nư ớc mư a, các hệ thống thoát nư ớc trái phép khác và đư ờng thủy tự nhiên bằng cách sử dụng cát, đất hoặc các rào cản thích hợp khác.

Phư ơ ng pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch:

Thấm vật liệu bằng chất hấp thụ và xúc vào thùng chứa chất thải hóa học. Chất thải từ quá trình dọn dẹp tràn có thể tiếp tục đư ợc quản lý theo các điều khoản của RCRA và cần đư ợc lư u trữ và xử lý như chất thải nguy hại. Đối với các vụ tràn lớn, hãy gọi đến CHEMTREC (Trung tâm cấp cứu vận chuyển hóa chất) theo số 800-424-9300.

PHẦN 7) XỬ LÝ VÀ LƯ U TRỮ

Tổng quan:

Rửa tay sau khi sử dụng.
Không để dính vào mắt, da hoặc quần áo.
Không hít phải hơ i hoặc sư ơ ng mù.
Áp dụng các biện pháp vệ sinh cá nhân tốt.
Cấm ăn, uống và hút thuốc ở khu vực làm việc.
Cởi bỏ quần áo và thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn trư ớc khi vào khu vực ăn uống.

Yêu cầu thông gió:

Chỉ sử dụng với thông gió đầy đủ để kiểm soát các chất gây ô nhiễm không khí ở mức giới hạn tiếp xúc của chúng. Khuyến nghị sử dụng thông gió cục bộ để kiểm soát khí thải gần nguồn.

Yêu cầu về phòng lư u trữ:

Machine Translated by Google

Đóng chặt thùng chứa và dán nhãn đúng cách. Bảo quản ở nơ i khô ráo, thoáng mát, tránh xa nhiệt, ánh nắng trực tiếp, chất oxy hóa mạnh và bất kỳ chất nào không tư ơ ng thích. Bảo quản trong thùng chứa đã đư ợc phê duyệt và tránh hư hỏng vật lý. Giữ thùng chứa đư ợc niêm phong an toàn khi không sử dụng. Lư u trữ trong nhà phải đáp ứng các tiêu chuẩn của OSHA và các quy định về phòng cháy chữa cháy phù hợp. Các thùng chứa đã mở phải đư ợc niêm phong lại cẩn thận để tránh rò rỉ. Thùng chứa rỗng vẫn còn cặn và có thể gây nguy hiểm.

Sử dụng hệ thống thông gió không phát tia lửa, thiết bị chống cháy nổ đã đư ợc phê duyệt và hệ thống điện an toàn nội tại ở những khu vực sử dụng và lư u trữ sản phẩm này.

PHẦN 8) KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

Bảo vệ mắt:

Đeo kính bảo vệ mắt bằng tấm chắn bên hông hoặc kính bảo hộ. Đeo kính bảo hộ chống va đập, chống bắn nư ớc và thông gió gián tiếp khi làm việc với chất lỏng. Nếu cần bảo vệ thêm cho toàn bộ khuôn mặt, hãy sử dụng kết hợp với kính bảo hộ.

Bảo vệ da:

Sử dụng găng tay đư ợc chấp thuận theo các tiêu chuẩn có liên quan đư ợc làm từ các vật liệu sau đây có thể cung cấp khả năng bảo vệ hóa chất phù hợp: Găng tay PVC, cao su tổng hợp neoprene hoặc cao su nitrile. Tính phù hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, ví dụ tần suất và thời gian tiếp xúc, khả năng chống hóa chất của vật liệu găng tay, độ dày của găng tay, độ khéo léo. Luôn tìm lời khuyên từ các nhà cung cấp găng tay. Nên thay thế găng tay bị nhiễm bẩn.
Nên sử dụng tạp dề và ủng làm bằng vật liệu không thấm hóa chất như cao su tổng hợp neoprene hoặc cao su nitrile để tránh gây kích ứng da. Loại thiết bị bảo vệ phải đư ợc lựa chọn theo nồng độ và lư ợng chất nguy hiểm tại nơ i làm việc cụ thể. Giặt quần áo bẩn hoặc xử lý đúng cách vật liệu bị ô nhiễm, không thể khử nhiễm.

Tùy thuộc vào điều kiện sử dụng, có thể cần thêm các biện pháp bảo vệ như tạp dề, bao tay hoặc bộ đồ toàn thân.
Giặt sạch quần áo bị nhiễm bẩn trư ớc khi mặc lại.

Bảo vệ hô hấp:

Nếu nồng độ trong không khí vư ợt quá hoặc dự kiến vư ợt quá TLV, hãy sử dụng máy thở cung cấp áp suất dư ơ ng đư ợc MSHA/NIOSH chấp thuận với mặt nạ toàn mặt hoặc mũ trùm đầu cung cấp khí. Trong trư ờng hợp khẩn cấp, hãy sử dụng máy thở tự cung cấp áp suất dư ơ ng.

Kiểm soát kỹ thuật thích hợp:

Cung cấp hệ thống thông gió xả hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ nồng độ hơ i trong không khí dư ới ngư ỡng tư ơ ng ứng của chúng giá trị giới hạn.

Tên hóa học	OSHA HAI (phần triệu)	OSHA HAI (mg/m3)	OSHA STEL (ppm)	OSHA STEL (mg/m3)	OSHA Bảng (Z1, Z2, Z3)	OSHA Chất gây ung thư	OSHA Chỉ định da	HAI (phần triệu)	HAI (mg/m3)	STEL (ppm)	STEL (mg/m3)	Chất gây ung thư
Silic, KẾT TINH	Mọt	[10 mg/m3 phần trăm SiO2+2 / 250 phần trăm SiO2+5 mppcf]; [30 mg/m3 phần trăm SiO2+2];			[1,3]; [3];				0,05e			1
TITANIUM DIOXIDE		15			1			b				1

Tên hóa học	TWA (ppm)	TWA (mg/m3)	STEL (ppm)	STEL (mg/m3)
Silic, KẾT TINH		0,025 (R)		
TITANIUM DIOXIDE		10		

(R) - Phần có thể hít vào

PHẦN 9) TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Tính chất vật lý và hóa học

Tỉ trọng	11,00 pound/gallon
Trọng lư ợng riêng	1,32
Quy định VOC	0,33 pound/gallon
VOC Phần A & B Kết hợp	Không có
Vẻ bề ngoài	Chất lỏng nhớt có sắc tố

Machine Translated by Google

Ngư ỡng mùi	Không có
Mô tả mùi	Hóa chất
độ pH	Không có
Độ hòa tan trong nư ớc	Không có
Tính dễ cháy	Không có
Biểu tư ợng điểm chớp cháy	Không có
Điểm chớp cháy	77 °C
Độ nhớt	Không có
Mức độ nổ thấp hơ n	Không có
Mức độ nổ trên	Không có
Áp suất hơ i	Không có
Mật độ hơ i	Nặng hơ n không khí
Điểm đóng băng	Không có
Điểm nóng chảy	Không có
Điểm sôi thấp	118 °C
Điểm sôi cao	Không có
Nhiệt độ đánh lửa tự động	Không có
Phân hủy Pt	Không có
Tốc độ bốc hơ i	Chậm hơ n ether
Hệ số Nư ớc/Dầu	Không có

PHẦN 10) TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Sự ổn định:

Vật liệu ổn định ở nhiệt độ và áp suất tiêu chuẩn.

Các điều kiện cần tránh:

Nhiệt, nhiệt độ cao, ngọn lửa, tia lửa và độ ẩm. Tiếp xúc với các vật liệu không tư ơ ng thích trong hệ thống kín sẽ gây ra sự giải phóng carbon dioxide và tích tụ áp suất.

Phản ứng nguy hiểm/Polymer hóa:

Sẽ không xảy ra trong điều kiện bình thư ờng như ng ở nhiệt độ cao có sự hiện diện của kiềm, amin bậc ba và hợp chất kim loại sẽ đẩy nhanh quá trình trùng hợp. Sự thoát ra có thể của khí cacbon dioxit có thể làm vỡ các thùng chứa kín.

Vật liệu không tư ơ ng thích:

Axit mạnh và isocyanat.

Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:

Nồng độ amoniac độc hại, sản phẩm cháy của nitơ , carbon monoxide, carbon dioxide, các andehit và ketone gây kích ứng có thể hình thành khi đốt cháy trong điều kiện cung cấp không khí hạn chế.

PHẦN 11) THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Ăn mòn/Kích ứng da:

Gây kích ứng nghiêm trọng với đau, đỏ và sư ng quá mức nghiêm trọng với bỏng hóa chất, hình thành mụn nư ớc và có thể phá hủy mô. Ngoài các tác động kích ứng da tiềm ẩn đư ợc ghi chú ở trên, không có tác dụng phụ cấp tính (ngắn hạn) nào đư ợc mong đợi từ tiếp xúc da trong thời gian ngắn.

Gây kích ứng da nhẹ

Tổn thư ơ ng/kích ứng mắt nghiêm trọng:

Gây kích ứng như đau, chớp mắt và chảy nư ớc mắt quá mức, và như đã thấy, mắt đỏ và sư ng tấy nghiêm trọng, bỏng hóa chất ở mắt. Tổn thư ơ ng mắt nghiêm trọng có thể gây mù.

Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

Nhạy cảm về hô hấp/da:

Không có dữ liệu có sẵn

Tính gây ung thư :

Nghi ngờ gây ung thư .

Tính gây đột biến tế bào mầm:

Không có dữ liệu có sẵn

Machine Translated by Google

Độc tính sinh sản:

Nghi ngờ gây tổn hại đến khả năng sinh sản hoặc thai nhi.

Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể - Tiếp xúc một lần:

Không có dữ liệu có sẵn

Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể - Tiếp xúc nhiều lần:

Có thể gây tổn thương các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc liên tục.

Nguy cơ hít phải:

Không có dữ liệu có sẵn

Độc tính cấp tính:

Đường uống: Gây bỏng miệng, họng và dạ dày kèm theo đau bụng và ngực, buồn nôn, nôn, tiêu chảy, khát nước, yếu và suy sụp. Có thể hít phải khi nuốt hoặc nôn, dẫn đến tổn thương phổi.

Tác động tiềm ẩn đến sức khỏe - Khác

0013463-67-7 TITANIUM DIOXIDE

Là chất gây ung thư của IARC, NTP hoặc OSHA. Trong một thử nghiệm hít phải suốt đời, ung thư phổi đã được tìm thấy ở một số con chuột tiếp xúc với 250 mg/m3 bụi titan có thể hít vào. Phân tích nồng độ titanium dioxide trong phổi của chuột cho thấy cơ chế thanh thải phổi bị quá tải và kết quả ở mức 250 mg/m3 lớn không liên quan đến nơi làm việc. 'Kết quả của một nghiên cứu dịch tễ học của DuPont cho thấy những nhân viên đã tiếp xúc với Titanium Dioxide không có nguy cơ mắc ung thư phổi cao hơn những nhân viên chưa tiếp xúc với Titanium dioxide. Không có sự phổi nào được tìm thấy ở bất kỳ nhân viên nào và không có mối liên hệ nào được quan sát thấy giữa việc tiếp xúc với Titanium dioxide và bệnh hô hấp mãn tính hoặc bất thường về chụp X-quang. Dựa trên kết quả của nghiên cứu này, DuPont kết luận rằng titanium dioxide sẽ không gây ung thư phổi hoặc bệnh hô hấp mãn tính ở người ở nồng độ đã trải qua tại nơi làm việc.'

0014808-60-7 SILICA, KẾT TINH

Là chất gây ung thư theo IARC, NTP hoặc OSHA. Tiếp xúc quá nhiều với silica tinh thể nhiều lần có thể dẫn đến thay đổi hình ảnh chụp X-quang và bệnh phổi mãn tính. Hít phải nồng độ bụi cao có thể gây ra: khó thở, tổn thương phổi. CẢNH BÁO: Hóa chất này được Tiểu bang California biết đến là có thể gây ung thư.

Tiếp xúc mãn tính

0014808-60-7 SILICA, KẾT TINH

Hít phải bụi silic tinh thể trong thời gian dài có thể dẫn đến bệnh phổi (tức là bệnh bụi phổi silic và/hoặc ung thư phổi). Các triệu chứng bao gồm ho, khó thở, thở khò khè và suy giảm chức năng phổi.

PHẦN 12) THÔNG TIN SINH THÁI

Độc tính:

Không có dữ liệu.

Độ bền và khả năng phân hủy:

Không có dữ liệu.

Tiềm năng tích lũy sinh học:

Không có dữ liệu.

Tính di động trong đất:

Không có dữ liệu.

Các tác dụng phụ khác:

Không có dữ liệu.

PHẦN 13) XÉT XỬ LÝ

Xử lý chất thải:

Theo RCRA, người sử dụng sản phẩm có trách nhiệm xác định thời điểm thải bỏ sản phẩm có đáp ứng tiêu chí RCRA về chất thải nguy hại hay không. Quản lý chất thải phải tuân thủ đầy đủ luật liên bang, tiểu bang và địa phương.

Các thùng chứa rỗng vẫn còn cặn sản phẩm có thể gây nguy hiểm cho vật liệu, do đó không được nén, cắt, tráng men, hàn hoặc sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác. Trả lại các thùng phuy cho các trung tâm tái chế để vệ sinh và tái sử dụng đúng cách.

PHẦN 14) THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Thông tin của US DOT:

Machine Translated by Google

Không được quản lý.

Thông tin IMDG:

Không được quản lý.

Thông tin IATA:

Không được quản lý.

MỤC 15) THÔNG TIN QUY ĐỊNH

CAS	Tên hóa học	% Theo Trọng Lượng	Danh sách quy định
0014808-60-7	Silica, tinh thể	19% - 36%	DSL,SARA312,TSCA,CA_Prop65 - Dự luật 65 của California
0013463-67-7	TITANIUM DIOXIDE	8% - 14%	DSL,SARA312,TSCA,CA_Prop65 - Dự luật 65 của California
0022984-54-9	METHYLTRIS (METHYLET) HYLKETOXIME)SILANE	5% - 12%	DSL, SARA312, VOC, TSCA
0000556-67-2	OCTAMETHYLCYCLOTET DAO CẠO	1,9% - 4%	DSL, SARA312, TSCA
0000096-29-7	2-BUTANONE OXIME	Theo dõi	DSL, SARA312, VOC, TSCA

PHẦN 16) THÔNG TIN KHÁC

THÔNG TIN KHÁC:

* Có những điểm khác biệt giữa OSHA GHS và UN GHS. Trong 90% các danh mục, chúng có thể được sử dụng thay thế cho nhau, nhưng đối với Loại Ăn mòn da/Chất gây kích ứng và Loại Độc tính đối với Cơ quan Mục tiêu Cụ thể (Phơi nhiễm Đơn và Lặp lại). Trong những trường hợp này, hệ thống của chúng tôi sẽ ghi là UN GHS.

BẢNG THUẬT NGỮ:

ACGIH- Hội nghị các nhà vệ sinh công nghiệp của chính phủ Hoa Kỳ; ANSI- Viện tiêu chuẩn quốc gia Hoa Kỳ; CA Prop65- Đề xuất 65 của California; TDG của Canada- Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của Canada; CAS- Dịch vụ tóm tắt hóa chất; Chemtrec- Trung tâm cấp cứu vận chuyển hóa chất (Hoa Kỳ); CHIP- Thông tin và bao bì về mối nguy hóa chất; DSL- Danh sách các chất trong nước; EC- Nồng độ tương đương; EH40 (Anh)- Ghi chú hướng dẫn của HSE EH40 Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp; EPCRA- Đạo luật về quyền được biết của cộng đồng và lập kế hoạch khẩn cấp; ESL- Mức sàng lọc tác động; HMIS- Dịch vụ thông tin về vật liệu nguy hiểm; LC- Nồng độ gây chết người; LD- Liều gây chết người; NFPA- Hiệp hội phòng cháy chữa cháy quốc gia; OEL- Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp; OSHA- Cơ quan quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, Bộ lao động Hoa Kỳ; PEL- Giới hạn phơi nhiễm cho phép; SARA (Tiêu đề III)- Đạo luật sửa đổi và tái thẩm quyền của Superfund; SARA 313- Đạo luật sửa đổi và tái thẩm quyền Superfund, Mục 313; SCBA- Thiết bị thở tự cung cấp; STEL- Giới hạn phơi nhiễm ngắn hạn; TCEQ- Ủy ban chất lượng môi trường Texas; TLV- Giá trị giới hạn ngưỡng; TSCA- Luật công số 94-469 của Đạo luật kiểm soát chất độc hại; TWA- Giá trị có trọng số theo thời gian; US DOT- Bộ Giao thông vận tải Hoa Kỳ; WHMIS- Hệ thống thông tin về vật liệu nguy hiểm tại nơi làm việc.

Phiên bản 1.0:

Ngày sửa đổi: 24 tháng 3 năm 2017

Phiên bản 1.0

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Theo hiểu biết của chúng tôi, thông tin có trong đây là chính xác. Tuy nhiên, nhà cung cấp nêu trên cũng như bất kỳ công ty con nào của họ đều không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin có trong đây. Việc xác định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ vật liệu nào là trách nhiệm duy nhất của người dùng. Tất cả các vật liệu đều có thể gây ra những mối nguy hiểm chưa biết và nên sử dụng thận trọng. Mặc dù một số mối nguy hiểm được mô tả trong đây, chúng tôi không thể đảm bảo rằng đây là những mối nguy hiểm duy nhất hiện hữu. Thông tin trên liên quan đến sản phẩm này theo công thức hiện tại và dựa trên thông tin có sẵn tại thời điểm này. Việc thêm chất khử hoặc các chất phụ gia khác vào sản phẩm này có thể làm thay đổi đáng kể thành phần và mối nguy hiểm của sản phẩm. Vì các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi, chúng tôi không đưa ra bất kỳ bảo đảm nào, dù là rõ ràng hay ngụ ý, và không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến bất kỳ việc sử dụng thông tin này.